

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Hồng Nhật

Ông Hoàng Văn Đức.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Kim Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-HN> ngày 15 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1978(có mặt);

Nơi cư trú: Số nhà 266, đường B, Tổ 19, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

2. Bị đơn: Anh **Đào Trọng S**, sinh năm 1974 (vắng mặt không có lý do);

ĐKKHKT và nơi cư trú: Số nhà 02, ngõ 501, Tổ 28, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa; nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày: Tôi và anh Đào Trọng S tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/8/1999, tại UBND phường*

T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn tôi và anh S chung sống tại gia đình anh S, địa chỉ: Số nhà 02, ngõ 501, Tổ 28, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S có chơi cờ bạc, rượu chè và có biểu hiện quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Tôi đã nhiều lần động viên, khuyên giải và tha thứ để anh S sửa đổi nhưng anh S không tiếp thu, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, đánh nhau. Do không khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng nên tôi bỏ về sinh sống tại nhà bố, mẹ đẻ tôi tại Tổ 19, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình từ tháng 4/2017 và chúng tôi ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Trọng S.

Về con chung: Tôi và anh S có 02 con chung là Đào Thị Ngọc B, sinh ngày 02/02/2000 và Đào Trang N, sinh ngày 22/3/2007. Hiện tại tôi đang nuôi hai con chung, ly hôn tôi đề nghị được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho các con chung.

Về tài sản chung: Tôi và anh S không có tài sản chung, không có công nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải về tài sản chung.

** Tại biên bản ghi lời khai của ông Đào Trọng C, sinh năm 1928, địa chỉ: Số nhà 02, Ngõ 501, Tổ 28, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình- là bố đẻ của anh S trình bày: Chị D và anh S có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào năm 1999. Sau khi kết hôn anh, chị có sống cùng với gia đình tôi tại Tổ 28, phường T, thành phố T. Đến tháng 6/2017, chị D và anh S phát sinh mâu thuẫn do chị D ghen tuông, nghi ngờ anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mong muốn anh, chị đoàn tụ gia đình vì thế tôi đã nhiều lần phân tích, khuyên giải để anh, chị suy nghĩ lại nhưng không có kết quả. Chị D đã bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình khoảng 06 tháng nay. Nay chị D xin ly hôn anh S, gia đình tôi không có ý kiến gì để anh, chị tự giải quyết. Chị D và anh S có 02 con chung là Đào Thị Ngọc B, sinh ngày 02/02/2000 và Đào Trang N, sinh ngày 22/3/2007, hiện cả hai cháu đang sinh sống cùng chị D, tôi đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu để giải quyết. Chị D và anh S không có nhà, đất chung tại địa phương, không có tài sản, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình tôi và không có công nợ với gia đình tôi nên tôi không đề nghị gì. Anh S có nhận được các văn bản của Tòa án, có biết việc chị D xin ly hôn anh tại Tòa án, tôi không biết lý do anh S không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình, nay tôi không nhận văn bản của Tòa án giao.*

** Tại biên bản xác minh ngày 18/01/2018, đại diện tổ dân phố số 28, phường T và đại diện chính quyền phường T, thành phố T, cung cấp như sau:*

Chị Phạm Thị D và anh Đào Trọng S đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/8/1999. Khoảng năm 2016 anh S, chị D phát sinh mâu thuẫn, do nghi ngờ tình cảm của nhau không còn chung thủy. Các đoàn thể của địa phương không tiến hành hòa giải mâu thuẫn vì anh, chị không yêu cầu. Tháng 4/2017, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Tổ 19, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Nay chị D xin ly hôn anh S đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Chị D và anh S có 02 con chung là cháu Đào Thị Ngọc B, sinh ngày 02/02/2000 và cháu Đào Trang N, sinh ngày 22/3/2007, hiện tại chị D đang nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Chị D và anh S không có nhà, đất chung tại Tổ 19, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, không có công nợ của các tổ chức, đoàn thể tại địa phương. Anh S có nghề nghiệp là lái xe ô tô, cư trú ổn định tại số nhà 02, Ngõ 501, Tổ 28, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình cùng bố đẻ là ông Đào Trọng C.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến giải quyết vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định tại các Điều: 28, 35, 39, 97, 196, 203, 207, 208, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định; giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ, tham gia đầy đủ theo triệu tập của Tòa án phục vụ cho việc giải quyết vụ án.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có lời khai thể hiện quan điểm giải quyết vụ án. Vì vậy vụ án được giải quyết theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung: Căn cứ và các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Về hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Đào Trọng S.

- Về con chung: Con Đào Thị Ngọc B, sinh ngày 02/02/2000, đến thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không đặt ra giải quyết về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con khi ly hôn. Xử giao con Đào Trang N,

sinh ngày 22/3/2007 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

-Về tài sản: Do nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 24, 27 Nghị quyết 326/UBTVQU14 ngày 30/12/2016, chị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền: Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Đào Trọng S có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Số nhà 02, ngõ 501, Tổ 28, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng: Chị D có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh S. Anh S, chị D có năng lực hành vi dân sự đầy đủ cho nên chị D là nguyên đơn và anh S là bị đơn.

[3]. Về thủ tục hòa giải: Anh S vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án ấn định. Sau đó chị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, như vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về nội dung:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Đào Trọng S tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/8/1999, tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau kết hôn anh, chị đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2016 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên do có sự bất hòa về lối sống, thiếu niềm tin ở nhau, nghi ngờ tình cảm của nhau không chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần rồi đánh, cãi nhau. Mâu thuẫn vì thế ngày càng trầm trọng, mặc dù chị D đã tìm giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, tháng 6/2017 chị D đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ chị tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống và anh, chị ly thân từ đó đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh S. Điều đó cho thấy chị D không còn yêu thương, quan tâm tới anh S; không mong muốn cùng anh S chia sẻ, giúp đỡ các công việc trong gia đình và không mong muốn cùng anh S xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

[2]. Về phía anh S, sau khi thụ lý vụ án, anh S đã nhận được các thủ tục khởi kiện vụ án (bản sao) do chị D giao nộp cho Tòa án và các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh S không giao nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, không tham gia phiên hòa giải, chứng tỏ anh S không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng như không tha thiết với hôn nhân hiện tại.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D thì thấy: mâu thuẫn giữa chị D và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị D được ly hôn anh S là hoàn toàn phù hợp.

[4]. Về con chung: Chị Phạm Thị D và anh Đào Trọng S có 02 con chung là Đào Thị Ngọc B, sinh ngày 02/02/2000 và Đào Trang N, sinh ngày 22/3/2007, hiện tại hai con đang sinh sống cùng chị D. Xét thấy tại thời điểm xét xử vụ án con Đào Thị Ngọc B đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không đặt ra giải quyết về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con B trong vụ án này. Đối với con Đào Trang N, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con thì thấy, anh S không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không trình bày quan điểm về giải quyết vụ án, vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa do đó cần giao con N cho chị D nuôi dạy là hoàn toàn phù hợp pháp luật trên cơ sở có xem xét nguyện vọng của con N là xin được ở với chị D. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con chung. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh S, chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

[5]. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung. Anh S không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, vì vậy không giải quyết về tài sản chung của chị D và anh S trong vụ án này. Sau này một trong hai bên có yêu cầu sẽ được đặt ra giải quyết thành một vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án thấy là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 203 và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Đào Trọng S.

2. *Về con chung*: Xử giao con chung Đào Trang N, sinh ngày 22/3/2007 cho chị Phạm Thị D nuôi dạy, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con chung. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh S, chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết. Không đặt ra giải quyết về con chung Đào Thị Ngọc B, sinh ngày 02/02/2000 trong vụ án này.

3. *Về tài sản chung*: Không giải quyết trong vụ án này. Khi anh S, chị D có yêu cầu sẽ được giải quyết thành một vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai thu số 0006812 ngày 11/12/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 03/4/2018. Anh Đào Trọng S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hân

**Tòa ,n nh©n d©n
Thịnh phè th,i b×nh
tØnh th,i b×nh**

**Céng hĩa x· húi chñ nghĩa viÖt nam
Séc lĩp- Tù do- H¹nh phúc**

BIEÂN BAÛN NGHÒ AÙN

H«m nay, ngày 05 th,ng 10 nãm 2016. T¹i phĩng nghĩ ,n Tòa ,n nh©n d©n thịnh phè Th,i B×nh.

Húi @ảng xĐt xõ s¬ thỀm gảm cả:

- **ThỀm ph,n- chñ to¹ phi²n toµ** : Oảng L² Ki²n Trung.

- **Hoải thaảm nhaân daân** : Bụ Nguyễn Thị An- Chủ tịch Hội phụ nữ thành phố Th,i B×nh.

Ông Nguyễn Nam Bình- Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra thành ủy Th,i B×nh.

Cñn cø vµo §iÒu 264 Bế luật tè tông d©n sù nãm 2015;

Húi @ảng xĐt xõ @· th¶o luỄn c,c vỀn @Ò cÇn gi¶i quyỐt vµ tiỐn hụnh biỐu quyỐt tông vỀn @Ò ph¶i gi¶i quyỐt trong vô ,n: Tranh chỀp H«n nh©n vµ gia @×nh. Gi÷a:

+ **Nguy²n @¬n**: ChĐ L² **ThĐ Hảng**, sinh nãm 1978; N¬i §KHKT: L« 51B4, khu quy ho¹ch T,i @Đnh c-, tæ 36, ph-êng TrÇn L·m, TP. Th,i B×nh, tØnh Th,i B×nh; Chỗ ở: thôn Thái Hòa 2, xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

+ **BĐ @¬n**: Anh **NguyÔn Vñ Thiỷ**, sinh nãm 1973; N¬i §KHKT : Kh,nh Xu©n, Bư«n Ma Thuét, §k L²k; Chặ ẽ hiỐn nay: L« 51B4, khu quy

h^och T,i ®Pnh c-, tæ 36, ph-êng TrÇn L·m, thµnh phè Th,i B×nh, tØnh Th,i B×nh.

(C,c ®-ng sù ®Òu cã mÆt t¹i phi^an tÿa)

KÕt qu¶ biÓu quyÕt nh- sau:

,p dưỡng: Khoaùn 1 Ñieàu 51; Khoản 1 §iÒu 56; §iÒu 81, 82, 83, 84
 Luaät hoãn nhaãn vaø gia ñiình năm 2014; §iÓm a kho¶n 1 §iÒu 35; Ñieàu
 147; Điều 271; Điều 273 Bé luÛt tè tông d©n sù năm 2015; Ph,p l nh ,n
 ph y l  ph y To  ,n nguy 27/02/2009 c a U  ban Th- ng v  Qu c h i; Nghị
 quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa
 án nhân dân Tối cao.

1/. VÒ quan hỖ h«n nh©n: Xõ cho chị Lê Thị Hồng được ly hôn anh Nguyễn Văn Thù.

BiÓu quyÕt: 3/3 nhÊt trÝ.

2/. VỞ con chung: Xõ giao hai con chung Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 28/03/2004 và Nguyễn Tuấn Dũng, sinh ngày 13/02/2012 cho chP Lê Thị Hồng trực tiếp nuôi d-ìng. Búe anh Nguyễn Văn Thùy ph¶i cêp d-ìng tiOn nuôi hai con chung cõng chP Hồng, mçi con lư 1.000.000 @ång/1 th,ng (hai con lư 2.000.000 @ång/1 th,ng). Thêi gian cêp d-ìng týnh tở th,ng 10/2016 @Õn khi con chung @ñ 18 tuæi.

Hai b^an c^a quy^on th^om nom, ch^om s^ac, gi^o d^oc con chung, c^a quy^on xin thay @æi ng-êi trùc ti^op nu^oi con v^um m^oc c^op d-ìng nu^oi con khi c^on thi^ot.

BiÓu quyÕt: 3/3 nhÊt trÝ.

3/. Veà taøi saûn: Kh«ng ñaët ra giaûi quy«át.

BiÓu quyÕt: 3/3 nhÊt trÝ.

4/. VỞ, n phÝ:Chị Lê Thị Hồng phÝ nóp 200.000 @ång àùn phÝ ly h«n sô thaảm. ChuyỐn sè tiỐn 200.000 @ång chị Hồng nóp t' m ợng, n phÝ t' i bi' n lai thu sè 0005978, ngày 09/5/2016 của Chi cộc Thi hụn, n d©n sù thụn phè Thị B×nh thụn tiỐn, n phÝ.

Anh Nguyễn Văn Thùy phải nộp 200.000 đồng, n phí của ng-êi cả
nghĩa vô cớ d-ìng nu«i con.

Tr-êng hîp b¶n, quyÕt ®¶nh ®-íc thi hµnh theo quy ®¶nh t¹i §ìu 2 LuËt Thi hµnh, n d©n sù th× ng-êi ®-íc thi hµnh, n d©n sù, ng-êi ph¶i thi hµnh, n d©n sù c¸ quyÒn th¸a thuËn thi hµnh, n, quyÒn y¸u cÇu thi hµnh, n, tù nguyÖn thi hµnh, n hoÆc b¶ c-ìng ch thi hµnh, n theo quy ®¶nh t¹i c, c §ìu 6, 7, 7a vµ 9 LuËt thi hµnh, n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh, n ®-íc thùc hiÖn theo quy ®¶nh t¹i §ìu 30 LuËt thi hµnh, n d©n sù.

BiÓu quyÕt: 3/3 nhÊt trÝ.

5/. VÒ quyÒn kh,ng c, o:

C, c ®-ng sù ®-íc quyÒn kh,ng c,o trong thêi h¹n 15 ngüy kÓ tã ngüy tuyªn, n.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Bà b n l p xong . ăc l i, c c th nh vi n trong HXX th ng qua, nh t tr y, ký t n.

HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ THAÂM

h éi th èm nh c n d c n

th èm ph ,n - ch ñ to¹ phi n toµ